TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 171/2019/DS-ST
Ngày 29 – 10 – 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm pHn – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm.

2. Bà Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Em - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tHng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2019/TLST-DS, ngày 14 tHng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 600/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tHng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1939 (có mặt).

Anh Lưu Quốc K, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã LVL, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Anh Lưu Quốc K ủy quyền cho bà Lê Thị S tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pHp cho bà Lê Thị S: Ông Nguyễn Thanh H – trợ giúp viên pHp lý của Trung tâm trợ giúp pHp lý tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Khải M, sinh năm: 1960 (có mặt).

Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1959 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã LVL, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lưu Minh T, sinh năm: 1966 (có mặt).

2. AnhTrịnh Đức B, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã LVL, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

AnhTrịnh Đức B ủy quyền cho chị Lưu Minh T theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 04/4/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Lê Thị S là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của anh Lưu Quốc K trình bày: Bà và chồng là ông Lưu Văn K chung sống với nhau có hai người con là Lưu Quốc K và Lưu Minh T. Năm 1976 ông K bỏ nhà đi và hiện nay đã chết. Trước đây bà được nhà nước tạm cấp cho một phần đất tọa lạc tại ấp Cỏ Xước, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau với diện tích 06 công tầm lớn chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bà sinh sống tại xã LVL để thuận tiện cho việc canh tác đến năm 1992 bà đổi đất với ông Trần Văn Q và bà Lý Hồng S với diện tích 05 công tầm lớn tọa lạc tại ấp Ô, xã LVL, thành phố C. Khi đổi có làm tờ giao kèo đổi đất được chính quyền địa phương ấp xác nhận. Năm 1995 do Lưu Minh T khó khăn nên bà cho mượn 02 công tầm lớn để sử dụng, canh tác, phần đất cho mượn nằm trong phần đất mà bà và anh K hiện nay đang đứng tên trong sổ mục kê địa chính xã LVL. Đến năm 1999 bà tặng cho toàn bộ phần đất của bà cho ông Lưu Quốc K với diện tích 6.999,1m^2 . Phần đất này trước đây hàng năm bà đều đóng thuế cho nhà nước. Và hiện nay phần đất này do anh K đứng tên trong sổ mục kê của xã LVL. Bà S xác định phần đất này là bà được nhà nước cấp cho cá nhận bà không liên quan đến ông K chồng bà.

Đến năm 2014 bà và anh K phát hiện phần đất cho chị T mượn canh tác, sử dụng hiện nay đang được ông M và bà H canh tác sử dụng. Khi bà hỏi thì chị T cho biết đã cố cho ông M và bà H. Không đồng ý với việc làm của chị T nên bà yêu cầu chị T chuộc lại đất nhưng ông M và bà H không đồng ý vì cho rằng chị T đã sang nhượng cho vợ chồng ông, bà. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà chưa đi làm thủ tục và hiện vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất.

Bà xác định đây là phần đất của bà và hiện nay anh K vẫn còn đứng tên trong sổ mục kê địa chính với tên Lưu Quốc K nên việc chị T, anh B sang nhượng cho ông Hoàng và bà H là hoàn toàn không có cơ sở.

Nay bà và anh K yêu cầu ông Hoàng, bà H trả lại cho bà và anh K phần đất với diện tích 02 công tầm lớn (2.592m^2) tọa lạc tại ấp Ô, xã LVL, thành phố C. Trên phần đất này hiện nay không có công trình kiến trúc nào.

Tại các văn bản ghi ý kiến, biên bản hòa giải ngày 04/4/2019, đơn khởi kiện độc lập và tại phiên tòa ông Phạm Khải H là bị đơn trình bày: Vào năm 2005 vợ chồng ông bà có mua của chị Lưu Minh T và anhTrịnh Đức B một phần đất tọa lạc tại ấp Ô, xã LVL, thành phố C với diện tích 02 công tầm lớn với giá 03 lượng vàng 24K, khi chị T và anh B chuyển nhượng cho ông bà có nói phần đất này đã được bà S cho lại, khi sang nhượng thời điểm đó có làm giấy tay có bàn cận, kế cận và các bên thân tộc cùng

ký tên vào, bà S lúc đó cũng đồng ý ký tên sang nhượng cho ông, bà. Cùng năm 2005, chị T, anh B đã bàn giao phần đất này cho ông bà và ông, bà đã canh tác từ đó cho đến nay. Nay bà S và anh K yêu cầu ông, bà trả lại phần đất nêu trên ông bà không đồng ý. Trường hợp tòa án buộc ông phải trả lại phần đất này cho bà S và anh K thì ông yêu cầu chị T, anh B phải hoàn trả cho ông 03 lượng vàng 24K mà ông đã bỏ ra chuyển nhượng phần đất.

Bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Bà Thống nhất với lời trình bày của ông M không có ý kiến gì khác.

Tại các văn bản ghi ý kiến, biên bản hòa giải ngày 04/4/2019 và tại phiên tòa chị Lưu Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của anh Trịnh Đức B trình bày: Vào năm 2005 mẹ chị là bà Lê Thị S có cho chị và chồng là anh Trịnh Đức B mượn một phần đất 02 công tầm lớn tọa lạc tại ấp Ô, xã LVL, thành phố C, do lúc đó vợ chồng có nợ ông M, bà H không có khả năng chi trả nên bà H yêu cầu chị sang nhượng cho vợ chồng bà và chị đồng ý sang nhượng cho ông M, bà H với giá 03 lượng vàng 24K, khi chuyển nhượng có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai bên cùng ký tên vào và có ông Lê Tiến Đ là tổ trưởng tổ tự quản ký tên, khi sang nhượng phần đất này bà không có cho bà S và anh K hay. Sau khi làm hợp đồng sang nhượng vợ chồng chị đã bàn giao phần đất này cho phía ông M và bà H canh tác cho đến nay, trong quá trình bàn giao đất phía bà H có nói với chị khi nào chị có khả năng thì sẽ cho chị chuộc lại phần đất này. Nay bà S và anh K yêu cầu ông M, bà H trả lại phần đất 02 công tầm lớn chị đồng ý. Anh B và chị thống nhất sẽ trả lại cho ông Hoàng, bà H 30 chỉ vàng 24K khi đã sang nhượng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị S trình bày: Nguồn gốc đất các bên đều thừa nhận là của bà S và ông M, bà H cũng biết đất này là của bà S, ông M, bà H chuyển nhượng của chị T, anh B nhưng không thông qua ý kiến bà S trong khi phần đất này vẫn đang thuộc quyền quản lý của bà S là trái quy định pháp luật. Việc chuyển nhượng chỉ có giấy tay không được công chứng, chứng thực do đó hợp đồng giữ các bên là không có hiệu lực. Việc bà S ký tên trong giấy sang nhượng đất như ông Hoàng trình bày là không có cơ sở bởi lẽ tại kết luận giám định không đủ cơ sở kết luận đây là chữ ký của bà S. Do đó đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S buộc ông M, bà H trả lại cho bà S phần đất 2.458,1m^2 tọa lạc tại ấp Ô, xã LVL, thành phố C.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị S và ông Lưu Quốc K về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Lưu Minh T, anhTrịnh Đức B và ông Phạm Khải M và bà Nguyễn Ngọc H. Buộc ông M, bà H trả lại cho bà S 2.458,1m^2 tọa lạc tại ấp Ô, xã LVL, thành phố C. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Khải M và bà Nguyễn Ngọc H về việc buộc chị Lưu Minh T và ôngTrịnh Đức

B trả cho ông M, bà H 03 lượng vàng 24K. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định pHp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị S, anh Lưu Quốc K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Lưu Minh T, anhTrịnh Đức B với ông Phạm Khải M, bà Nguyễn Ngọc H, buộc ông Phạm Khải M và bà Nguyễn Ngọc H phải trả cho bà và anh K phần đất 02 công tầm lớn tọa lạc tại ấp Ô, xã LVL, thành phố C. Do đó, về tư cách tham gia tố tụng thì bà S, anh K là nguyên đơn; Ông Hoàng, bà H là bị đơn; Chị Lưu Minh T và anhTrịnh Đức B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời xác định loại việc các bên tranh chấp là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nguồn gốc đất, phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Lê Thị S và được các đương sự thừa nhận. Phần đất này hiện nay đang do anh Lưu Quốc K đứng tên trên sổ mục kê địa chính, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét nội dung tranh chấp bà Lê Thị S, anh Lưu Quốc K cho rằng phần đất này thuộc quyền quản lý sử dụng của bà S và hiện nay do anh K đứng tên trong sổ mục kê địa chính nhưng chị T, anh B là người đứng ra chuyển nhượng phần đất này cho ông M, bà H là không đúng nên yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng và buộc bà H, ông M phải trả cho bà S, anh K 02 công đất tọa lạc tại ấp ấp Ô, xã LVL, thành phố C. Đối với ông Phạm Khải M và bà Nguyễn Ngọc H không đồng ý với yêu cầu của bà S và anh K vì cho rằng phần đất này bà S đã cho chị T và anh B vào năm 2005 nên việc chị T và anh B chuyển nhượng lại cho ông bà là hợp pháp nên không đồng ý trả lại phần đất theo như yêu cầu của bà S, anh K. Đồng thời ông M, bà H có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu trường hợp Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông, bà với chị T, anh B thì yêu cầu chị T, anh B phải trả lại 03 lượng vàng 24K mà ông, bà đã bỏ ra chuyển nhượng phần đất trên. Đối với chị T cho rằng phần đất này là của bà S cho chị mượn canh tác từ năm 1992 nhưng do chị có nợ tiền nên đến năm 2005 chị và anh B có làm giấy sang nhượng chuyển nhượng cho ông M, bà H 02 công đất với giá 03 lượng vàng 24K, khi chuyển nhượng chị không có hỏi ý kiến bà S cũng nhưng anh K nên chị và anh B đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng và đồng ý trả lại cho ông Hoàng, bà H 03 lượng vàng 24K.

Đối với phần đất tranh chấp theo diện tích đo đạc thực tế thuộc thửa số 01 diện tích 2.458,1m^2 tọa lạc tại ấp ấp Ô, xã LVL, thành phố C, tỉnh Cà Mau hiện nay đang do ông Phạm Khải M và bà Nguyễn Ngọc H quản lý sử dụng về nguồn gốc đất là của bà

Lê Thị S canh tác từ năm 1992 đến năm 2005 thì chị T anh B có làm giấy sang nhượng đất chuyển nhượng lại cho ông Hoàng, bà H với giá 03 lượng vàng 24K, chị T, anh B đã nhận tiền xong và giao đất cho ông Hoàng, bà H canh tác cho đến nay.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị S và anh Lưu Quốc K thấy rằng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (dưới hình thức là giấy sang nhượng đất) đề tháng 4/2005 có chữ ký của chị T, anh B, ông M, bà H, bà S và những người chứng kiến và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do chị T nộp không đề ngày tháng năm. Đối với chị T thừa nhận chị và anh B có ký để chuyển nhượng phần đất hai công tầm lớn cho bà H và ông M do lúc đó hoàn cảnh chị khó khăn thiếu nợ nên chị có lấy hai công đất do mẹ chị là bà S cho mượn canh tác để chuyển nhượng cho bà H, ông M. Đối với bà S cho rằng mình không có ký tên vào giấy sang nhượng và bà cũng không biết việc sang nhượng đất của chị T, anh B nên có yêu cầu giám định chữ ký đối với chữ ký của bà tại tờ sang nhượng đất vào tháng 4/2005. Sau khi Tòa án tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký của bà S kết quả thể hiện không đủ cơ sở kết luận chữ ký phía dưới chữ ký có họ tên Lê Thị S dưới cum từ "Bên sang nhượng đất" trên Giấy sang nhượng đất tháng 4/2005 là của bà Lê Thị S và chữ viết Lê Thị S trong giấy sang nhượng đất không phải là chữ viết của bà S. Do đó không đủ cơ sở để chứng minh cho việc bà S đã ký tên vào giấy sang nhượng đất như ông Hoàng, bà H đã trình bày.

Xét về phần đất tranh chấp tại thời điểm 2005 là do bà S quản lý sử dụng và do anh K đứng tên trong sổ mục kê địa chính nên việc chị T cho là phần đất này mình được bà S tặng cho nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh cho việc tặng cho và hiện nay bà S không thừa nhận việc tặng cho này nên việc chị T, anh B đứng ra chuyển nhượng cho ông M, bà H là không đúng theo quy định của Luật đất đai tại thời điểm giao dịch bởi vì tại thời điểm đó chị T và anh B không phải là người chủ sử dụng đất mà chỉ là người được bà S cho mượn đất để canh tác, đáng lẽ chị T, anh B chỉ được hưởng hoa lợi đối với việc canh tác trên phần đất này và phải trả lại phần đất cho bà S khi bà S có nhu cầu sử dụng, mọi định đoạt về quyền sử dụng đối với phần đất đất phải thông qua ý kiến của bà S nhưng chị T, anh B đã tự ý đứng ra chuyển nhượng quyền sử dụng đối với phần đất này là không đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bà H, ông M tại thời điểm đó biết phần đất này là của bà S nhưng khi chị T, anh B cho rằng phần đất này đã được bà S tặng cho đã không xem xét kỹ và cũng không thông qua bà S mặc dù nhà ông M, bà H và nhà bà S, anh K ở rất gần nhau. Mặt khác qua xác minh với những người ký tên vào chỗ người chứng kiến tại giấy sang nhượng đất có người cho rằng họ không có ký tên vào tờ sang nhượng đất, có người trình bày là do sau khi đã ký xong giấy sang nhượng ông M mới mang đến nhờ ký giáp ranh nên không chứng minh được lời trình bày của ông M, bà H. Do đó, không đủ chứng cứ để chứng minh việc bà S có ký tên cũng như đồng ý chuyển nhượng phần đất này cho ông M, bà H. Tại thời điểm đó anh K là người đứng tên trên sổ mục kê địa chính nhưng anh K cũng không có ký tên cũng như không đồng ý chuyển nhượng cho bà H, ông M và hiện nay phần đất này vẫn đang nằm trong sổ mục kê do anh K đứng tên. Từ những phân tích nêu trên hội đồng xét xử có cơ sở xác

định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị T, anh B với bà H, ông M là vô hiệu và lỗi của việc dẫn đến hợp đồng vô hiệu là do cả chị T, anh B, ông M, bà H. Do hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu nên cần buộc ông M, bà H trả lại phần đất có diện tích 2.458,1m^2 tọa lạc tại ấp ấp Ô, xã LVL, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo đo đạc thực tế) cho bà Lê Thị S, anh Lưu Quốc K là phù hợp.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Ngọc H, ông Phạm Khải M yêu cầu chị Lưu Minh T, anhTrịnh Đức B trả lại 03 lượng vàng 24K. Thấy rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị T, anh B với ông M, bà H vô hiệu nên chị T, anh B phải có trách nhiệm trả lại cho ông M, bà H 03 lượng vàng 24K và hiện chị T cũng đồng ý hoàn trả lại cho ông M, bà H 03 lượng vàng 24k nên cần buộc chị T, anh B hoàn trả lại cho ông M, bà H số vàng trên là phù hợp (tại thời điểm xét xử giá vàng 24K là 41.000.000 đồng/lượng).

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị S là phù hợp nên được chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Đối chi phí đo đạc và giám định chữ ký tổng cộng là 9.058.000 đồng do ông M, bà H, chị T, anh B cùng có lỗi nên ông M, bà H, chị T, anh B cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà S số tiền này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 123, 131, 500, 502, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 105, 106 Luật đất đai 2003.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S, anh Lưu Quốc K.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy sang nhượng đất) giữa chị Lưu Minh T, anhTrịnh Đức B với ông Phạm Khải M, bà Nguyễn Ngọc H vô hiệu.

Buộc ông ông Phạm Khải M, bà Nguyễn Ngọc H giao trả phần đất có diện tích diện tích 2.458,1m^2 tọa lạc tại ấp Ông Muộn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cho bà Lê Thị S và anh Lưu Quốc K (kèm theo bản Bch đo hiện trạng).

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Khải M và Bà Nguyễn Ngọc H. Buộc chị Lưu Minh T, anh Phạm Đức B trả lại cho ông Phạm Khải Moàng và bà Nguyễn Ngọc H 03 lượng vàng 24k.

3. Về chi phí đo đạc và giám định chữ ký: Buộc ông Phạm Khải M, bà Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị S số tiền 4.529.000 đồng; Buộc chị Lưu Minh T, anh Trịnh Đức B có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị S số tiền 4.529.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm Thi hành.

4. Án phí sơ thẩm không giá ngạch bà Nguyễn Ngọc H được miễn nên không phải nộp; ông Phạm Khải M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/9/2019 ông M đã dự nộp 1.560.000 đồng theo lai thu số 0000719 được đối trừ ông M được nhận lại 1.260.000 đồng khi bản án có hiệu lực. Bà Lê Thị S, anh Lưu Quốc K không phải nộp, ngày 14/3/2019 bà S, anh K đã nộp số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 2195 được nhận lại khi bản án có hiệu lực.

Án phí sơ thẩm có giá ngạch ông Phạm Đức B, bà Lưu Minh T phải chịu 6.150.000 đồng (chưa nộp)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Huyền Trân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 06 tHng 9 năm 2019.

Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm pHn – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm.

2. Ông Võ Sỹ Hùng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 442/2018/TLST- DS ngày 14 tHng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về quyền cấp thoát nước qua bất động sản liền kề", giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1940 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Định, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Chót, sinh năm: 66 tuổi (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Định, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Thị Mót, sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Số 340B, kinh xáng Bạc Liêu, khóm 10, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. Chị Trần Thị Hậu (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bùng Binh 1, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, thành phố Cà Mau, thành phố Cà Mau.

4. Chị Trần Thị Hiền (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Trần Tấn Quang (xin vắng mặt).

4. Anh Trần Quốc Tính, sinh năm: 1973 (có mặt).

5. Anh Trần Văn Út, sinh năm: 1976 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Định, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Trần Thị Hài , sinh năm: 1945 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Định, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả trông tụng tại phiên toà, các quy định của pHp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 245, 252 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về nội dung: Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huệ đối với ông Trần Văn Chót, bà Trần Thị Mót về việc phải trả lại đường nước sử dụng chung tọa lạc tại ấp Bình Định, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau trước khi hoán đổi để dẫn nước vào canh tác đối với phần đất của bà.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Về án phí: Án phí sơ thẩm không giá ngạch bà Huệ phải chịu 300.000 đồng. Bà Huệ được miễn án phí nên không phải nộp.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kHng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kHng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyế: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 50 phút, ngày 06 tHng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Võ Thanh Liêm	**Võ Sỹ Hùng**	**Trần Huyền Trân**